

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt bổ sung kết quả lựa chọn nhà thầu
Gói thầu số 02: Cung cấp thuốc cho các tỉnh miền Trung và khu vực Tây Nguyên
giai đoạn 2022-2023 (mã hiệu: ĐTTT.02.2021)

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM MUA SẴM TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị quyết số 112/NQ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Chính Phủ về việc thành lập Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 07 năm 2019 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10 tháng 08 năm 2020 của Bộ Y tế Ban hành Danh mục thuốc đấu thầu, Danh mục thuốc đấu thầu tập trung, Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Quyết định số 4325/QĐ-BYT ngày 08/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc giai đoạn 2022-2023 thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp quốc gia do Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia thực hiện;

Căn cứ Quyết định số 4535/QĐ-BYT ngày 24/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt bổ sung nội dung Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc giai đoạn 2022-2023 thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp quốc gia do Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia thực hiện;

Căn cứ Quyết định số 83/QĐ-TTMS ngày 24/9/2021 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc giai đoạn 2022-2023 thuộc Danh mục đấu thầu tập trung quốc gia do Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia thực hiện;

Căn cứ Quyết định số 84/QĐ-TTMS ngày 13 tháng 10 năm 2021; Quyết định số 85/QĐ-TTMS ngày 28 tháng 10 năm 2021; Quyết định số 86/QĐ-TTMS ngày 10 tháng 11 năm 2021; Quyết định số 94/QĐ-TTMS ngày 24 tháng 11 năm 2021; Quyết định số 98/QĐ-TTMS ngày 06 tháng 12 năm 2021; Quyết định số 01/QĐ-TTMS ngày 05 tháng 01 năm 2022; Quyết định

số 04/QĐ-TTMS ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc gia hạn thời điểm đóng thầu và mở thầu các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc giai đoạn 2022-2023 thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp quốc gia do Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia thực hiện;

Căn cứ Quyết định số 100/QĐ-TTMS ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc sửa đổi Quyết định số 98/QĐ-TTMS ngày 06 tháng 12 năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 42/QĐ-TTMS ngày 22/6/2022 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc phê duyệt danh sách nhà thầu và các thuốc đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật Gói thầu số 02: Cung cấp thuốc cho các tỉnh miền Trung và khu vực Tây Nguyên giai đoạn 2022-2023 (Mã hiệu: ĐTTT.02.2021);

Căn cứ Quyết định số 54/QĐ-TTMS ngày 22/7/2022 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu Gói thầu số 02: Cung cấp thuốc cho các tỉnh miền Trung và khu vực Tây Nguyên giai đoạn 2022-2023 (Mã hiệu: ĐTTT.02.2021);

Căn cứ Quyết định số 58/QĐ-TTMS ngày 03/8/2022 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 02: Cung cấp thuốc cho các tỉnh miền Trung và khu vực Tây Nguyên giai đoạn 2022-2023 (Mã hiệu: ĐTTT.02.2021);

Căn cứ Biên bản thương thảo Thỏa thuận khung giữa Bên mời thầu và các nhà thầu;

Căn cứ Tờ trình số 03/TTr-NVĐT ngày 11/8/2022 của Phòng Nghiệp vụ Đấu thầu về việc phê duyệt bổ sung kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu cung cấp thuốc giai đoạn 2022-2023;

Căn cứ Báo cáo Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 02: Cung cấp thuốc cho các tỉnh miền Trung và khu vực Tây Nguyên giai đoạn 2022-2023 (Mã hiệu: ĐTTT.02.2021 ngày 12/8/2022 của Tổ Thẩm định đấu thầu;

Theo đề nghị của Phòng Nghiệp vụ Đấu thầu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 02: Cung cấp thuốc cho các tỉnh miền Trung và khu vực Tây Nguyên giai đoạn 2022-2023 (Mã hiệu: ĐTTT.02.2021) thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu được Bộ Y tế phê duyệt tại Quyết định số 4325/QĐ-BYT ngày 8/9/2021 và Quyết định số 4535/QĐ-BYT ngày 24/9/20, cụ thể:

- Nhà thầu trúng thầu, giá trúng thầu, danh mục thuốc chi tiết tại phụ lục kèm theo.

Đã

- Cách thức thực hiện: Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia ký thỏa thuận khung, các cơ sở y tế ký hợp đồng trực tiếp với nhà thầu.
- Thời gian thực hiện thỏa thuận khung: kể từ ngày ký đến hết ngày 31/8/2024.
- Thời gian thực hiện hợp đồng giữa các cơ sở y tế và nhà thầu: kể từ ngày 01/9/2022 đến hết ngày 31/8/2024.

Trong trường hợp cần thiết, các cơ sở y tế và nhà thầu thỏa thuận thời gian thực hiện hợp đồng trước ngày 01/9/2022 và hợp đồng có hiệu lực trong vòng 24 tháng kể từ ngày ký.

- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

Điều 2. Giá trúng thầu đã nêu tại Điều 1 là giá đã bao gồm tất cả các chi phí liên quan để thực hiện gói thầu như chi phí vận chuyển, bảo quản, bảo hành thuốc, các dịch vụ liên quan và các loại thuế, phí theo quy định nhà nước hiện hành.

Điều 3. Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia có trách nhiệm ký kết Thỏa thuận khung với nhà thầu trúng thầu; Các cơ sở y tế ký hợp đồng với nhà thầu trúng thầu để cung cấp các mặt hàng thuốc nêu tại Điều 1 theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng, Trưởng các Phòng Nghiệp vụ thuộc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia, Thủ trưởng các đơn vị sử dụng thuốc và các nhà thầu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Quyền Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các đồng chí Thứ trưởng (để báo cáo);
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Công thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Các Phó Giám đốc Trung tâm;
- Lưu VT, NVĐT.

GIÁM ĐỐC



Lê Thanh Dũng

BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẴM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC THUỐC CUNG CẤP CHO CÁC CƠ SỞ Y TẾ

GÓI THẦU SỐ 2: CUNG CẤP THUỐC CHO CÁC TỈNH MIỀN TRUNG VÀ KHU VỰC TÂY NGUYÊN GIAI ĐOẠN 2022-2023 (MÃ HIỆU: ĐTTT.02.2021)

(Ban hành kèm theo Quyết định số.....64...../QĐ-TTMS ngày12....tháng 8 năm 2022)

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Hoạt chất	Nồng độ	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Tên thuốc	SDK/GPNK	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH																
1	57	J01MA12.0 1.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	1.016.970	12.500	12.712.125.000
TỔNG CỘNG																12.712.125.000
CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM U.N.I VIỆT NAM																
1	8	L02BG03.0 1.01.N1	Anastrozol	1mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Asstrozol	VN2-542-17	Synthon Hispania, SL	Tây Ban Nha	Hộp 2 vỉ x 14 viên	566.458	7.014	3.973.136.412
TỔNG CỘNG																3.973.136.412

11

BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẴM TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2: PHẠM VI CUNG CẤP CHI TIẾT THEO TỪNG MẶT HÀNG THUỐC
GÓI THẦU SỐ 02: CUNG CẤP THUỐC CHO CÁC TỈNH MIỀN TRUNG VÀ KHU VỰC TÂY NGUYÊN GIAI ĐOẠN 2022-2023 (MÃ HIỆU: ĐTTT.02.2021)
(Ban hành kèm theo Quyết định số 6.1/QĐ-TTMS ngày 12 tháng 8 năm 2022)

STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Năng độ hàm lượng	Dạng bào chế	Dương dụng	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Tên thuốc	SĐK/ GPNK	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Tên nhà thầu	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Quý V	Quý VI	Quý VII	Quý VIII	Số lượng trúng thầu được phân bổ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Tỉnh/thành phố
8	L02BG03.01.01.N1	Anastrozol	Img	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Astrozol	VN2-542-17	Synthon Hispania, SL	Tây Ban Nha	Hộp 2 vi x 14 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM UN.I VIỆT NAM	3.000	3.000	3.000	3.000	3.750	3.750	3.750	3.750	27.000	7.014	189.378.000	52001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định	Bình Định
8	L02BG03.01.01.N1	Anastrozol	Img	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Astrozol	VN2-542-17	Synthon Hispania, SL	Tây Ban Nha	Hộp 2 vi x 14 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM UN.I VIỆT NAM	900	900	900	900	900	900	900	900	7.200	7.014	50.500.800	48001	Bệnh viện Đa Năng	Đà Nẵng
8	L02BG03.01.01.N1	Anastrozol	Img	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Astrozol	VN2-542-17	Synthon Hispania, SL	Tây Ban Nha	Hộp 2 vi x 14 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM UN.I VIỆT NAM	25.000	25.000	25.000	25.000	32.250	32.250	32.250	32.250	229.000	7.014	1.606.206.000	48126	Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng	Đà Nẵng
8	L02BG03.01.01.N1	Anastrozol	Img	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Astrozol	VN2-542-17	Synthon Hispania, SL	Tây Ban Nha	Hộp 2 vi x 14 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM UN.I VIỆT NAM	1.400	1.400	1.400	1.400	1.400	1.400	1.400	1.400	11.200	7.014	78.556.800	66001	Bệnh viện đa khoa Vùng Tây Nguyên	Đắk Lắk
8	L02BG03.01.01.N1	Anastrozol	Img	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Astrozol	VN2-542-17	Synthon Hispania, SL	Tây Ban Nha	Hộp 2 vi x 14 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM UN.I VIỆT NAM	5.250	5.250	5.250	5.250	5.250	5.250	5.250	5.250	42.000	7.014	294.588.000	42012	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Hà Tĩnh	Hà Tĩnh
8	L02BG03.01.01.N1	Anastrozol	Img	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Astrozol	VN2-542-17	Synthon Hispania, SL	Tây Ban Nha	Hộp 2 vi x 14 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM UN.I VIỆT NAM	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	8.000	7.014	56.112.000	56001	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa	Khánh Hòa
8	L02BG03.01.01.N1	Anastrozol	Img	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Astrozol	VN2-542-17	Synthon Hispania, SL	Tây Ban Nha	Hộp 2 vi x 14 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM UN.I VIỆT NAM	375	375	375	375	375	375	375	375	3.000	7.014	21.042.000	62001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Kon Tum	Kon Tum
8	L02BG03.01.01.N1	Anastrozol	Img	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Astrozol	VN2-542-17	Synthon Hispania, SL	Tây Ban Nha	Hộp 2 vi x 14 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM UN.I VIỆT NAM	13.110	13.110	13.110	13.110	15.080	15.080	15.080	15.080	112.760	7.014	790.898.640	40149	Bệnh viện Ung bướu Nghệ An	Nghệ An
8	L02BG03.01.01.N1	Anastrozol	Img	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Astrozol	VN2-542-17	Synthon Hispania, SL	Tây Ban Nha	Hộp 2 vi x 14 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM UN.I VIỆT NAM	350	350	350	350	400	400	400	400	3.000	7.014	21.042.000	58001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận	Ninh Thuận
8	L02BG03.01.01.N1	Anastrozol	Img	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Astrozol	VN2-542-17	Synthon Hispania, SL	Tây Ban Nha	Hộp 2 vi x 14 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM UN.I VIỆT NAM	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	24.000	7.014	168.336.000	49001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Nam	Quảng Nam
8	L02BG03.01.01.N1	Anastrozol	Img	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Astrozol	VN2-542-17	Synthon Hispania, SL	Tây Ban Nha	Hộp 2 vi x 14 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM UN.I VIỆT NAM	50	100	150	200	70	160	220	300	1.250	7.014	8.767.500	51001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi	Quảng Ngãi
8	L02BG03.01.01.N1	Anastrozol	Img	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Astrozol	VN2-542-17	Synthon Hispania, SL	Tây Ban Nha	Hộp 2 vi x 14 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM UN.I VIỆT NAM	300	300	300	300	300	300	300	300	2.400	7.014	16.833.600	38120	Bệnh viện đa khoa huyện Thọ Xuân	Thanh Hóa
8	L02BG03.01.01.N1	Anastrozol	Img	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Astrozol	VN2-542-17	Synthon Hispania, SL	Tây Ban Nha	Hộp 2 vi x 14 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM UN.I VIỆT NAM	875	875	875	875	875	875	875	875	7.000	7.014	49.098.000	38800	Bệnh viện Ung Bướu Thanh Hóa	Thanh Hóa
8	L02BG03.01.01.N1	Anastrozol	Img	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Astrozol	VN2-542-17	Synthon Hispania, SL	Tây Ban Nha	Hộp 2 vi x 14 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM UN.I VIỆT NAM	1.739	1.739	1.739	1.739	2.173	2.173	2.173	2.173	15.648	7.014	109.755.072	48002	Bệnh viện C Đà Nẵng	Đà Nẵng
8	L02BG03.01.01.N1	Anastrozol	Img	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Astrozol	VN2-542-17	Synthon Hispania, SL	Tây Ban Nha	Hộp 2 vi x 14 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM UN.I VIỆT NAM	5.000	5.000	5.000	5.000	6.500	6.500	6.500	6.500	46.000	7.014	322.644.000	44005	Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cuba Đồng Hới	Quảng Bình
8	L02BG03.01.01.N1	Anastrozol	Img	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Astrozol	VN2-542-17	Synthon Hispania, SL	Tây Ban Nha	Hộp 2 vi x 14 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM UN.I VIỆT NAM	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	4.000	4.000	4.000	27.000	7.014	189.378.000	46001	Bệnh viện Trung ương Huế	Thừa Thiên Huế
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vi x 7 viên, hộp 1 vi x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	12.000	12.500	150.000.000	52001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định	Bình Định
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vi x 7 viên, hộp 1 vi x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	250	250	250	250	250	250	250	250	2.000	12.500	25.000.000	52014	Trung tâm y tế Thị xã Hoài Nhơn	Bình Định
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vi x 7 viên, hộp 1 vi x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	-	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	14.000	12.500	175.000.000	52185	Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	Bình Định
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vi x 7 viên, hộp 1 vi x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	96.000	12.500	1.200.000.000	60012	Trung tâm Y tế huyện Ham Thuận Nam	Bình Thuận
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vi x 7 viên, hộp 1 vi x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	4.340	4.340	4.340	4.340	5.660	5.660	5.660	5.660	40.000	12.500	500.000.000	48065	Bệnh viện 199 - Bộ Công An	Đà Nẵng
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vi x 7 viên, hộp 1 vi x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	250	250	250	250	325	325	325	325	2.300	12.500	28.750.000	48120	Bệnh viện Chính hình và Phục hồi chức năng Đà Nẵng	Đà Nẵng
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vi x 7 viên, hộp 1 vi x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	175	175	175	175	210	210	210	210	1.540	12.500	19.250.000	48201	Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Đà Nẵng	Đà Nẵng
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vi x 7 viên, hộp 1 vi x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	490	490	490	490	630	630	630	630	4.480	12.500	56.000.000	48006	Bệnh viện Quân Y 17/QK 5	Đà Nẵng
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vi x 7 viên, hộp 1 vi x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	80	80	80	80	100	100	100	100	720	12.500	9.000.000	48206	Bệnh viện Răng-Hàm-Mặt thành phố Đà Nẵng	Đà Nẵng
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vi x 7 viên, hộp 1 vi x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	100	100	100	100	100	100	100	100	800	12.500	10.000.000	66024	Bệnh viện Đa khoa Công an tỉnh Đắk Lắk	Đắk Lắk
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vi x 7 viên, hộp 1 vi x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	250	250	250	250	250	250	250	250	2.000	12.500	25.000.000	66022	Bệnh viện đa khoa khu vực 333	Đắk Lắk
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vi x 7 viên, hộp 1 vi x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	150	100	100	150	100	150	150	150	1.000	12.500	12.500.000	66018	Trung tâm Y tế huyện Krông Búk	Đắk Lắk
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vi x 7 viên, hộp 1 vi x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	500	500	500	500	500	500	500	500	4.000	12.500	50.000.000	67009	Bệnh viện đa khoa H. Krông Nô	Đắk Nông
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vi x 7 viên, hộp 1 vi x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	40.000	12.500	500.000.000	67072	Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông	Đắk Nông

STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Dường dùng	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Tên thuốc	SDK/ GPNK	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Tên nhà thầu	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Quý V	Quý VI	Quý VII	Quý VIII	Số lượng trúng thầu được phân bổ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Tỉnh/thành phố
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU/OC PHAM DUY ANH	-	-	-	-	3.000	3.000	3.000	3.000	12.000	12.500	150.000.000	64001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai	Gia Lai
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU/OC PHAM DUY ANH	50	50	50	50	75	75	75	75	500	12.500	6.250.000	42337	Bệnh viện đa khoa TTH Hà Tĩnh	Hà Tĩnh
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU/OC PHAM DUY ANH	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	16.000	12.500	200.000.000	42020	Bệnh viện Phục hồi chức năng Hà Tĩnh	Hà Tĩnh
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU/OC PHAM DUY ANH	120	120	150	150	150	150	170	170	1.180	12.500	14.750.000	56177	Bệnh viện 22-12	Khánh Hòa
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU/OC PHAM DUY ANH	750	750	750	750	750	750	750	750	6.000	12.500	75.000.000	56175	Bệnh viện Đa khoa KV Ninh Hòa	Khánh Hòa
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU/OC PHAM DUY ANH	625	625	625	625	625	625	625	625	5.000	12.500	62.500.000	56001	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa	Khánh Hòa
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU/OC PHAM DUY ANH	500	500	500	500	500	500	500	500	4.000	12.500	50.000.000	56012	Bệnh viện quân y 87	Khánh Hòa
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU/OC PHAM DUY ANH	2.313	2.313	2.313	2.313	2.313	2.313	2.313	2.313	18.504	12.500	231.300.000	SYT KHANH HOA.BV.VIN MEC	Bệnh viện Virmec Nha Trang	Khánh Hòa
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU/OC PHAM DUY ANH	700	700	700	700	700	700	700	700	5.600	12.500	70.000.000	62141	Bệnh xã Công an tỉnh	Kon Tum
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU/OC PHAM DUY ANH	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	16.000	12.500	200.000.000	62002	Trung tâm y tế huyện Đắk Glei	Kon Tum
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU/OC PHAM DUY ANH	250	250	250	250	300	300	300	300	2.200	12.500	27.500.000	68650	Bệnh viện đa khoa II Lâm Đồng	Lâm Đồng
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU/OC PHAM DUY ANH	2.500	2.500	2.500	2.500	3.000	3.000	3.000	3.000	22.000	12.500	275.000.000	68001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng	Lâm Đồng
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU/OC PHAM DUY ANH	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	16.000	12.500	200.000.000	40549	Bệnh viện đa khoa TTH Vĩnh	Nghệ An
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU/OC PHAM DUY ANH	205	205	205	205	266	266	266	268	1.886	12.500	23.575.000	40574	Bệnh viện Quốc tế Vĩnh	Nghệ An
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU/OC PHAM DUY ANH	500	500	500	500	500	500	500	500	4.000	12.500	50.000.000	40570	Bệnh viện Răng hàm mặt và Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ Thái Thương Hoàng	Nghệ An
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU/OC PHAM DUY ANH	630	630	630	630	630	630	630	630	5.040	12.500	63.000.000	40550	Bệnh viện Trường Đại học Y khoa Vĩnh	Nghệ An
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU/OC PHAM DUY ANH	500	500	500	500	500	500	500	500	4.000	12.500	50.000.000	40586	Công ty cổ phần bệnh viện tư mội hồng miễn Trung	Nghệ An
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU/OC PHAM DUY ANH	200	200	200	200	500	500	500	500	2.800	12.500	35.000.000	40575	Trung tâm huyết học-truyền máu Nghệ An	Nghệ An
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU/OC PHAM DUY ANH	1.500	1.500	1.500	1.500	1.600	1.600	1.600	1.600	12.400	12.500	155.000.000	58002	Trung tâm Y tế huyện Ninh Phước	Ninh Thuận
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU/OC PHAM DUY ANH	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	8.000	12.500	100.000.000	44001	Bệnh viện đa khoa huyện Minh Hóa	Quảng Bình
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU/OC PHAM DUY ANH	1.500	1.500	1.500	1.500	3.000	3.000	3.000	3.000	18.000	12.500	225.000.000	49004	Bệnh viện đa khoa KVMN phía Bắc tỉnh Quảng Nam	Quảng Nam
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU/OC PHAM DUY ANH	25.325	25.325	25.325	25.325	25.325	25.325	25.325	25.325	202.600	12.500	2.532.500.000	49154	Bệnh viện đa khoa Thái Bình Dương	Quảng Nam
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU/OC PHAM DUY ANH	18.400	18.400	18.400	18.400	18.400	18.400	18.400	18.400	147.200	12.500	1.840.000.000	49176	Bệnh viện đa khoa Thái Bình Dương - Tam Kỳ	Quảng Nam
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU/OC PHAM DUY ANH	250	250	250	250	250	250	250	250	2.000	12.500	25.000.000	51013	Trung tâm y tế huyện Sơn Tây	Quảng Ngãi
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU/OC PHAM DUY ANH	250	250	250	250	320	320	320	320	2.280	12.500	28.500.000	38742	Bệnh viện Công An tỉnh Thanh Hóa	Thanh Hóa
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU/OC PHAM DUY ANH	500	500	500	500	500	500	500	500	4.000	12.500	50.000.000	38250	Bệnh viện đa khoa huyện Như Xuân	Thanh Hóa
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU/OC PHAM DUY ANH	500	500	500	500	500	500	500	500	4.000	12.500	50.000.000	38070	Bệnh viện đa khoa huyện Như Xuân	Thanh Hóa
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU/OC PHAM DUY ANH	300	300	300	300	300	300	300	300	2.400	12.500	30.000.000	38120	Bệnh viện đa khoa huyện Thọ Xuân	Thanh Hóa
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU/OC PHAM DUY ANH	1.500	1.500	1.000	1.000	1.500	1.500	1.000	1.000	10.000	12.500	125.000.000	38150	Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn	Thanh Hóa
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU/OC PHAM DUY ANH	200	200	200	200	200	200	200	200	1.600	12.500	20.000.000	38725	Bệnh viện đa khoa Thanh Hóa	Thanh Hóa

STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Năng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Tên thuốc	SDK/ GPNK	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Tên nhà thầu	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Quý V	Quý VI	Quý VII	Quý VIII	Số lượng trúng thầu được phân bổ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Tỉnh/thành phố
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU/OC PHAM DUY ANH	625	625	625	625	625	625	625	625	5.000	12.500	62.500.000	38280	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Thanh Hóa	Thanh Hóa
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU/OC PHAM DUY ANH	500	500	500	500	1.000	1.000	1.000	1.000	6.000	12.500	75.000.000	38287	Bệnh viện nhi Thanh Hóa	Thanh Hóa
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU/OC PHAM DUY ANH	250	250	250	250	260	260	260	260	2.040	12.500	25.500.000	38286	Bệnh viện phổi Thanh Hóa	Thanh Hóa
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU/OC PHAM DUY ANH	50	50	100	100	50	50	100	100	600	12.500	7.500.000	38285	Bệnh viện phụ sản Thanh Hóa	Thanh Hóa
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU/OC PHAM DUY ANH	550	550	550	550	550	550	550	550	4.400	12.500	55.000.000	38800	Bệnh viện Ung Bướu Thanh Hóa	Thanh Hóa
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU/OC PHAM DUY ANH	-	-	-	-	250	250	250	250	1.000	12.500	12.500.000	46004.2	Ban Bảo vệ sức khỏe cán bộ tỉnh Thừa Thiên Huế	Thừa Thiên Huế
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU/OC PHAM DUY ANH	450	450	450	450	450	450	450	450	3.600	12.500	45.000.000	46074	Bệnh viện đa khoa Bình Điền	Thừa Thiên Huế
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU/OC PHAM DUY ANH	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	12.000	12.500	150.000.000	46003	Bệnh viện giao thông vận tải Huế	Thừa Thiên Huế
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU/OC PHAM DUY ANH	-	-	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	6.000	12.500	75.000.000	46205	Bệnh viện phổi tỉnh Thừa Thiên Huế	Thừa Thiên Huế
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU/OC PHAM DUY ANH	7.500	7.500	7.500	7.500	7.500	7.500	7.500	7.500	60.000	12.500	750.000.000	46002	Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Huế	Thừa Thiên Huế
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU/OC PHAM DUY ANH	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	8.000	12.500	100.000.000	46005	Viện Quân y 268	Thừa Thiên Huế
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU/OC PHAM DUY ANH	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	16.000	12.500	200.000.000	38281	Bệnh viện 71 Trung ương	Thanh Hóa
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU/OC PHAM DUY ANH	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	24.000	12.500	300.000.000	49013	Bệnh viện đa khoa Trung ương Quảng Nam	Quảng Nam
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU/OC PHAM DUY ANH	200	200	200	200	200	200	200	200	1.600	12.500	20.000.000	38034	Bệnh viện Dầu dưởng phục hồi chức năng Trung ương	Thanh Hóa
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU/OC PHAM DUY ANH	2.000	2.000	2.500	2.500	2.600	2.600	3.250	3.250	20.700	12.500	258.750.000	44005	Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cuba Đồng Hới	Quảng Bình
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU/OC PHAM DUY ANH	250	250	250	250	250	250	250	250	2.000	12.500	25.000.000	52010	Bệnh viện Phong - Da liễu trung ương Quý Hóa	Bình Định
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU/OC PHAM DUY ANH	7.500	7.500	7.500	7.500	9.000	9.000	9.000	9.000	66.000	12.500	825.000.000	46001	Bệnh viện Trung ương Huế	Thừa Thiên Huế
57	J01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU/OC PHAM DUY ANH	119.528	121.478	122.558	122.608	132.564	132.614	132.834	132.786	1.016.970		12.712.125.000			

BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẴM TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 3: PHẠM VI CUNG CẤP CHI TIẾT THEO TỪNG CƠ SỞ Y TẾ
GÓI THẦU SỐ 02: CUNG CẤP THUỐC CHO CÁC TỈNH MIỀN TRUNG VÀ KHU VỰC TÂY NGUYÊN GIAI ĐOẠN 2022-2023 (MÃ HIỆU: ĐTTT.G2.2021)
(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-TTMS ngày 12 tháng 8 năm 2022)

STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Dương dùng	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Tên thuốc	SĐR/GPNK	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Tên nhà thầu	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Quý V	Quý VI	Quý VII	Quý VIII	Số lượng trung bình được phân bổ	Đơn giá (VND)	Thành tiền	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Tỉnh/thành phố
8	L02BG03.01.0	Anastrozol	1mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Anastrozol	VN2-542-17	Synthron Hispania, SL	Tây Ban Nha	Hộp 2 vỉ x 14 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM U.N.I VIỆT NAM	3.000	3.000	3.000	3.000	3.750	3.750	3.750	3.750	27.000	7.014	189.378.000	52001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định	Bình Định
57	B01MA12.01.0	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	12.000	12.500	150.000.000	52001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định	Bình Định
57	B01MA12.01.0	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	250	250	250	250	250	250	250	250	2.000	12.500	25.000.000	52010	Bệnh viện Phong - Da liễu Trung ương Quy Hòa	Bình Định
57	B01MA12.01.0	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	-	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	14.000	12.500	175.000.000	52185	Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	Bình Định
57	B01MA12.01.0	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	250	250	250	250	250	250	250	250	2.000	12.500	25.000.000	52014	Trung tâm y tế Thị xã Hoài Nhơn	Bình Định
57	B01MA12.01.0	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	96.000	12.500	1.200.000.000	60012	Trung tâm Y tế huyện Hàm Thuận Nam	Bình Thuận
57	B01MA12.01.0	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	4.340	4.340	4.340	4.340	5.660	5.660	5.660	5.660	40.000	12.500	500.000.000	48065	Bệnh viện 199 - Bộ Công An	Đà Nẵng
8	L02BG03.01.0	Anastrozol	1mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Anastrozol	VN2-542-17	Synthron Hispania, SL	Tây Ban Nha	Hộp 2 vỉ x 14 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM U.N.I VIỆT NAM	1.739	1.739	1.739	1.739	2.173	2.173	2.173	2.173	15.648	7.014	109.755.072	48002	Bệnh viện C Đà Nẵng	Đà Nẵng
57	B01MA12.01.0	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	250	250	250	250	325	325	325	325	2.300	12.500	28.750.000	48120	Bệnh viện Chính bệnh và Phục hồi chức năng Đà Nẵng	Đà Nẵng
57	B01MA12.01.0	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	175	175	175	175	210	210	210	210	1.540	12.500	19.250.000	48201	Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Đà Nẵng	Đà Nẵng
8	L02BG03.01.0	Anastrozol	1mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Anastrozol	VN2-542-17	Synthron Hispania, SL	Tây Ban Nha	Hộp 2 vỉ x 14 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM U.N.I VIỆT NAM	900	900	900	900	900	900	900	900	7.200	7.014	50.500.800	48001	Bệnh viện Đà Nẵng	Đà Nẵng
57	B01MA12.01.0	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	490	490	490	490	630	630	630	630	4.480	12.500	56.000.000	48006	Bệnh viện Quân Y 17/QK 5	Đà Nẵng
57	B01MA12.01.0	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	80	80	80	80	100	100	100	100	720	12.500	9.000.000	48206	Bệnh viện Răng-Hàm-Mặt thành phố Đà Nẵng	Đà Nẵng
8	L02BG03.01.0	Anastrozol	1mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Anastrozol	VN2-542-17	Synthron Hispania, SL	Tây Ban Nha	Hộp 2 vỉ x 14 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM U.N.I VIỆT NAM	25.000	25.000	25.000	25.000	32.250	32.250	32.250	32.250	229.000	7.014	1.606.206.000	48126	Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng	Đà Nẵng
57	B01MA12.01.0	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	100	100	100	100	100	100	100	100	800	12.500	10.000.000	66024	Bệnh viện Đa khoa Công an tỉnh Đắk Lắk	Đắk Lắk
57	B01MA12.01.0	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	250	250	250	250	250	250	250	250	2.000	12.500	25.000.000	66022	Bệnh viện đa khoa khu vực 333	Đắk Lắk
8	L02BG03.01.0	Anastrozol	1mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Anastrozol	VN2-542-17	Synthron Hispania, SL	Tây Ban Nha	Hộp 2 vỉ x 14 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM U.N.I VIỆT NAM	1.400	1.400	1.400	1.400	1.400	1.400	1.400	1.400	11.200	7.014	78.556.800	66001	Bệnh viện đa khoa Vùng Tây Nguyên	Đắk Lắk
57	B01MA12.01.0	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	150	100	100	150	100	150	100	100	1.000	12.500	12.500.000	66018	Trung tâm Y tế huyện Krông Búk	Đắk Lắk
57	B01MA12.01.0	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	500	500	500	500	500	500	500	500	4.000	12.500	50.000.000	67009	Bệnh viện đa khoa H.Crông Nô	Đắk Nông
57	B01MA12.01.0	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	40.000	12.500	500.000.000	67072	Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông	Đắk Nông
57	B01MA12.01.0	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	-	-	-	-	3.000	3.000	3.000	3.000	12.000	12.500	150.000.000	64001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai	Gia Lai
8	L02BG03.01.0	Anastrozol	1mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Anastrozol	VN2-542-17	Synthron Hispania, SL	Tây Ban Nha	Hộp 2 vỉ x 14 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM U.N.I VIỆT NAM	5.250	5.250	5.250	5.250	5.250	5.250	5.250	5.250	42.000	7.014	294.588.000	42012	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Hà Tĩnh	Hà Tĩnh
57	B01MA12.01.0	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	50	50	50	50	75	75	75	75	500	12.500	6.250.000	42337	Bệnh viện đa khoa TTH Hà Tĩnh	Hà Tĩnh
57	B01MA12.01.0	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	16.000	12.500	200.000.000	42020	Bệnh viện Phụ sản tỉnh Hà Tĩnh	Hà Tĩnh
57	B01MA12.01.0	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	120	120	150	150	150	150	170	170	1.180	12.500	14.750.000	56177	Bệnh viện 22-12	Khánh Hòa
57	B01MA12.01.0	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	750	750	750	750	750	750	750	750	6.000	12.500	75.000.000	56175	Bệnh viện Đa khoa KV Ninh Hòa	Khánh Hòa
8	L02BG03.01.0	Anastrozol	1mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Anastrozol	VN2-542-17	Synthron Hispania, SL	Tây Ban Nha	Hộp 2 vỉ x 14 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM U.N.I VIỆT NAM	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	8.000	7.014	56.112.000	56001	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa	Khánh Hòa
57	B01MA12.01.0	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	625	625	625	625	625	625	625	625	5.000	12.500	62.500.000	56001	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa	Khánh Hòa
57	B01MA12.01.0	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medoxasol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	500	500	500	500	500	500	500	500	4.000	12.500	50.000.000	56012	Bệnh viện quân y 87	Khánh Hòa

STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Năng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Dường dùng	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Tên thuốc	SDK/ GPNK	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Tên nhà thầu	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Quý V	Quý VI	Quý VII	Quý VIII	Số hàng trưng bày được phân bổ	Đơn giá (VND)	Thành tiền	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Tỉnh/thành phố
57	01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medocasal 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	2.313	2.313	2.313	2.313	2.313	2.313	2.313	2.313	18.504	12.500	231.300.000	SYT KHANH HOA BV VINH MEK	Bệnh viện Vinmec Nha Trang	Khánh Hòa
58	L02B03.01.01.N1	Anastrozol	1mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Astrozol	VN2-542-17	Syntho Hispania, SL	Tây Ban Nha	Hộp 2 vỉ x 14 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM U.N.I VIỆT NAM	375	375	375	375	375	375	375	375	3.000	7.014	21.042.000	62001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Kon Tum	Kon Tum
57	01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medocasal 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	700	700	700	700	700	700	700	700	5.600	12.500	70.000.000	62141	Bệnh xã Công an tỉnh	Kon Tum
57	01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medocasal 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	16.000	12.500	200.000.000	62002	Trung tâm y tế huyện Đắk Glei	Kon Tum
57	01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medocasal 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	250	250	250	250	300	300	300	300	2.200	12.500	27.500.000	68650	Bệnh viện đa khoa II Lâm Đồng	Lâm Đồng
57	01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medocasal 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	2.500	2.500	2.500	2.500	3.000	3.000	3.000	3.000	22.000	12.500	275.000.000	68001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng	Lâm Đồng
57	01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medocasal 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	16.000	12.500	200.000.000	40549	Bệnh viện đa khoa TTH Vinh	Nghệ An
57	01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medocasal 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	205	205	205	205	266	266	266	268	1.886	12.500	23.575.000	40574	Bệnh viện Quốc tế Vinh	Nghệ An
57	01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medocasal 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	500	500	500	500	500	500	500	500	4.000	12.500	50.000.000	40570	Bệnh viện Răng hàm mặt và Phẫu thuật tạo hình đầu mặt Thái Thượng Hoàng	Nghệ An
57	01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medocasal 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	630	630	630	630	630	630	630	630	5.040	12.500	63.000.000	40550	Bệnh viện Trường Đại học Y khoa Vinh	Nghệ An
57	01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medocasal 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	13.110	13.110	13.110	13.110	15.080	15.080	15.080	15.080	112.760	7.014	790.898.640	40149	Bệnh viện Ung bướu Nghệ An	Nghệ An
57	01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medocasal 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	500	500	500	500	500	500	500	500	4.000	12.500	50.000.000	40586	Công ty cổ phần bệnh viện tai mũi họng miền Trung	Nghệ An
57	01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medocasal 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	200	200	200	200	500	500	500	500	2.800	12.500	35.000.000	40575	Trung tâm huyết học- truyền máu Nghệ An	Nghệ An
57	01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medocasal 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	350	350	350	350	400	400	400	400	3.000	7.014	21.042.000	58001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận	Ninh Thuận
57	01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medocasal 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	1.500	1.500	1.500	1.500	1.600	1.600	1.600	1.600	12.400	12.500	155.000.000	58002	Trung tâm Y tế huyện Ninh Phước	Ninh Thuận
57	01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medocasal 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	8.000	12.500	100.000.000	44001	Bệnh viện đa khoa huyện Minh Hóa	Quảng Bình
57	01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medocasal 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	5.000	5.000	5.000	5.000	6.500	6.500	6.500	6.500	46.000	7.014	322.644.000	44005	Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cuba Đồng Hới	Quảng Bình
57	01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medocasal 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	2.000	2.000	2.500	2.500	2.600	2.600	3.250	3.250	20.700	12.500	258.750.000	44005	Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cuba Đồng Hới	Quảng Bình
57	01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medocasal 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	1.500	1.500	1.500	1.500	3.000	3.000	3.000	3.000	18.000	12.500	225.000.000	49004	Bệnh viện đa khoa KVMN phía Bắc tỉnh Quảng Nam	Quảng Nam
57	01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medocasal 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	25.325	25.325	25.325	25.325	25.325	25.325	25.325	25.325	202.600	12.500	2.532.500.000	49154	Bệnh viện đa khoa Thái Bình Dương	Quảng Nam
57	01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medocasal 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	18.400	18.400	18.400	18.400	18.400	18.400	18.400	18.400	147.200	12.500	1.840.000.000	49176	Bệnh viện đa khoa Thái Bình Dương - Tam Kỳ	Quảng Nam
57	01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medocasal 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	24.000	7.014	168.336.000	49001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Nam	Quảng Nam
57	01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medocasal 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	24.000	12.500	300.000.000	49013	Bệnh viện đa khoa Trung ương Quảng Nam	Quảng Nam
57	01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medocasal 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	50	100	150	200	70	160	220	300	1.250	7.014	8.767.500	51001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi	Quảng Ngãi
57	01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medocasal 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	250	250	250	250	250	250	250	250	2.000	12.500	25.000.000	51013	Trung tâm y tế huyện Sơn Tây	Quảng Ngãi
57	01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medocasal 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	16.000	12.500	200.000.000	38281	Bệnh viện 71 Trưng vương	Thanh Hóa
57	01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medocasal 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	250	250	250	250	320	320	320	320	2.280	12.500	28.500.000	38742	Bệnh viện Công an tỉnh Thanh Hoá	Thanh Hóa
57	01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medocasal 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	500	500	500	500	500	500	500	500	4.000	12.500	50.000.000	38250	Bệnh viện đa khoa huyện Như Thanh	Thanh Hóa
57	01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medocasal 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	500	500	500	500	500	500	500	500	4.000	12.500	50.000.000	38070	Bệnh viện đa khoa huyện Như Xuân	Thanh Hóa
57	01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medocasal 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	300	300	300	300	300	300	300	300	2.400	12.500	30.000.000	38120	Bệnh viện đa khoa huyện Thọ Xuân	Thanh Hóa
57	01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medocasal 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	1.500	1.500	1.000	1.000	1.500	1.500	1.000	1.000	10.000	12.500	125.000.000	38150	Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn	Thanh Hóa
57	01MA12.01.01.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medocasal 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	200	200	200	200	200	200	200	200	1.600	12.500	20.000.000	38725	Bệnh viện đa khoa Thanh Hóa	Thanh Hóa

STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Dùng dùng	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Tên thuốc	SDK/ GPNK	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Tên nhà thầu	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Quý V	Quý VI	Quý VII	Quý VIII	Số lượng trúng thầu được phân bổ	Đơn giá (VND)	Thành tiền	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Tỉnh/thành phố
57	01MAI2.01.0.1.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medocastol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	625	625	625	625	625	625	625	625	5.000	12.500	62.500.000	38280	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Thanh Hóa	Thanh Hóa
57	01MAI2.01.0.1.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medocastol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	200	200	200	200	200	200	200	200	1.600	12.500	20.000.000	38034	Bệnh viện Điều dưỡng phục hồi chức năng Trung ương	Thanh Hóa
57	01MAI2.01.0.1.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medocastol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	500	500	500	500	1.000	1.000	1.000	1.000	6.000	12.500	75.000.000	38287	Bệnh viện nhi Thanh Hóa	Thanh Hóa
57	01MAI2.01.0.1.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medocastol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	250	250	250	250	260	260	260	260	2.040	12.500	25.500.000	38286	Bệnh viện phổi Thanh Hóa	Thanh Hóa
57	01MAI2.01.0.1.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medocastol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	50	50	100	100	50	50	100	100	600	12.500	7.500.000	38285	Bệnh viện phụ sản Thanh Hóa	Thanh Hóa
8	02B0303.01.0.1.N1	Anastrozol	1mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Astrozol	VN2-542-17	Syntho Hispania, SL	Tây Ban Nha	Hộp 2 vỉ x 14 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM U.N.I VIỆT NAM	875	875	875	875	875	875	875	875	7.000	7.014	49.098.000	38300	Bệnh viện Ung Bướu Thanh Hóa	Thanh Hóa
57	01MAI2.01.0.1.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medocastol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	550	550	550	550	550	550	550	550	4.400	12.500	55.000.000	38300	Bệnh viện Ung Bướu Thanh Hóa	Thanh Hóa
57	01MAI2.01.0.1.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medocastol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	-	-	-	-	250	250	250	250	1.000	12.500	12.500.000	46004.2	Ban Bảo vệ sức khỏe cán bộ tỉnh Thừa Thiên Huế	Thừa Thiên Huế
57	01MAI2.01.0.1.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medocastol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	450	450	450	450	450	450	450	450	3.600	12.500	45.000.000	46074	Bệnh viện đa khoa Bình Điền	Thừa Thiên Huế
57	01MAI2.01.0.1.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medocastol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	12.000	12.500	150.000.000	46003	Bệnh viện giao thông vận tải Huế	Thừa Thiên Huế
57	01MAI2.01.0.1.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medocastol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	-	-	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	6.000	12.500	75.000.000	46205	Bệnh viện phổi tỉnh Thừa Thiên Huế	Thừa Thiên Huế
8	02B0303.01.0.1.N1	Anastrozol	1mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Astrozol	VN2-542-17	Syntho Hispania, SL	Tây Ban Nha	Hộp 2 vỉ x 14 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM U.N.I VIỆT NAM	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	4.000	4.000	4.000	27.000	7.014	189.378.000	46001	Bệnh viện Trung ương Huế	Thừa Thiên Huế
57	01MAI2.01.0.1.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medocastol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	7.500	7.500	7.500	7.500	9.000	9.000	9.000	9.000	66.000	12.500	825.000.000	46001	Bệnh viện Trung ương Huế	Thừa Thiên Huế
57	01MAI2.01.0.1.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medocastol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	7.500	7.500	7.500	7.500	7.500	7.500	7.500	7.500	60.000	12.500	750.000.000	46002	Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Huế	Thừa Thiên Huế
57	01MAI2.01.0.1.N1	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 1	Medocastol 500mg	VN-22922-21	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 1 vỉ x 7 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	8.000	12.500	100.000.000	46005	Viện Quân y 268	Thừa Thiên Huế